

Vietnam Daily Review

Cơ sớg đớ

Dự đớ đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/10/2022	•		
Tuần 3/10-7/10/2022	•		
Tháng 10/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sớ: Trái ngược với đà tăng mạnh của phiên trước, VN-Index giảm mạnh trong phiên giao dịch hôm nay với sắc đỏ bao phủ thị trường từ cả phiên sáng đến phiên chiều. Thanh khoản thị trường duy trì tại ngưỡng trung bình với độ rộng thị trường nằm ở trạng thái tiêu cực cho thấy tâm lý tiêu cực đang chủ đạo các hoạt động giao dịch. Toàn bộ 19/19 ngành đều giảm điểm với đà giảm mạnh nhất đến từ nhóm ngành Bán lẻ và Viễn Thông. Về khối ngoại, họ bán ròng trên sàn HSX trong khi mua ròng tại sàn HNX. Phiên giảm mạnh hôm nay cũng khá phù hợp trong bối cảnh các nhà đầu tư đang phân vân về xu hướng thị trường. BSC duy trì quan điểm giữ tỷ lệ tiền mặt cao trong danh mục khi thị trường đang nằm trong giai đoạn này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐ đều giảm theo VN30. Nhà đầu tư nên hạn chế giao dịch, nâng cao tỷ trọng tiền mặt và chờ đợi thông tin mới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 6/10/2022, các chứng quyền giảm theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sớ.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-29.74** điểm, đóng cửa **1074.52** điểm. HNX-Index **-6.99** điểm, đóng cửa **235.13** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **EIB (+0.69)**, **VIC (+0.1)**, **PGV (+0.09)**, **STG (+0.05)**, **PTB (+0.05)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HPG (-1.78)**, **MSN (-1.7)**, **VCB (-1.69)**, **MWG (-1.57)**, **GVR (-1.32)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 9,799 tỷ đồng, tăng 23.32% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 11,116 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 34.4 điểm. Thị trường có 429 mã tăng, 31 mã tham chiếu, 60 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 225.46 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm DPM (37.75 tỷ), FUEVFNVD (36.62 tỷ), CTG (35.3 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -2.76 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1074.52**
Giá trị: 9799.31 tỷ **-29.74 (-2.69%)**
Khối ngoại (ròng): 225.46 tỷ

HNX-INDEX **235.13**
Giá trị: 929.36 tỷ **-6.99 (-2.89%)**
Khối ngoại (ròng): -2.76 tỷ

UPCOM-INDEX **82.41**
Giá trị: 396.85 tỷ **-1.38 (-1.65%)**
Khối ngoại (ròng): -198.476 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	87.7	-0.13%
Giá vàng	1,716	-0.02%
Tỷ giá USD/VND	23,876	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,840	0.28%
Tỷ giá JPY/VND	16,501	0.00%
LS liên NH 1 tháng	7.0%	0.20%
LS TPCP 5 năm	5.0%	0.07%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DPM	37.75	HPG	-198.30
FUEVFNVD	36.62	NVL	-37.98
CTG	35.30	STB	-35.70
PVD	20.96	HAH	-23.34
0/1/1900	0.00	SSI	-15.59

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tin hiệu hàng hóa	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 6/10

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	88.05	1.77%	7.18%	1.78%	13.72%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	93.66	2.03%	6.37%	1.84%	15.52%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.67	-0.58%	8.36%	12.65%	15.57%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1716.20	-0.58%	3.42%	0.88%	-2.63%		PNJ
Bạc	Ounce	20.64	-2.23%	9.26%	14.33%	-8.65%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1369.75	-0.99%	-2.77%	-2.07%	10.29%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	902.00	-0.11%	-0.14%	10.40%	20.91%	AFX	
Sữa	Cwt	22.11	11.50%	11.16%	12.40%	21.82%	KDC	VNM, GTN
Cao su	JPY/kg	135.50	0.30%	2.34%	4.47%	-19.35%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR
Đường	LB	2392.00	1.36%	4.82%	-1.89%	-11.90%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS
Chè	Kg	873.40	1.12%	4.16%	9.37%	-5.35%		
Cà phê	LB	224.65	2.44%	-1.77%	-3.95%	16.13%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.57	1.34%	5.37%	2.80%	-14.24%	CAV. SAM	MSN, ACM
Thép	CNY/ton	3936.00	-0.96%	-0.30%	1.63%	-33.57%		HPG
Nhôm	Ton	2364.50	0.70%	11.32%	4.60%	-18.47%	CAV, SAM, TGP	
Quặng sắt	Ton	98.00	0.00%	-1.51%	-2.97%	-10.91%	HPG	
Than đá	Ton	404.00	1.25%	-7.69%	-11.75%	49.91%	HT1,HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 5/10, dầu Brent tăng 1.57 USD hay 1.7% lên 93.37 USD/thùng, dầu Brent đã chạm 93.96 USD/thùng, cao nhất kể từ ngày 15/9. Dầu thô WTI tăng 1.24 USD hay 1.4% lên 87.76 USD/thùng. Trong phiên này dầu WTI cũng đạt cao nhất kể từ ngày 15/9 tại 88.42 USD/thùng.
- Giá dầu tăng lên mức cao nhất 3 tuần, khi OPEC+ đồng ý cắt giảm sản lượng nhiều nhất kể từ đại dịch Covid năm 2020, bất chấp thị trường thất chặt và sự phản đối cắt giảm từ Mỹ và các nước khác.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.8% xuống 1,712.93 USD/ounce sau khi đạt mức cao nhất ba tuần tại 1,729.39 USD/ounce trong phiên liền trước. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 12 đóng cửa giảm 0.6% xuống 1,720.8 USD/ounce.
- Giá vàng giảm gần 1%, bởi USD và lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ tăng do số liệu việc làm của Mỹ có thể ảnh hưởng tới việc tăng lãi suất của Cục dự trữ Liên bang.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su giao tháng 11 tại Singapore tăng 0.5% lên 135.8 US cent/kg. Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 3/2023 trên sàn giao dịch Osaka đóng cửa tăng 1.4 JPY hay 0.6% lên 229.9 JPY (1.59 USD)/kg.
- Giá cao su Nhật Bản tăng được hỗ trợ bởi chứng khoán trong nước, mặc dù giao dịch vẫn yếu bởi đợt nghỉ lễ tại Trung Quốc.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 đóng cửa tăng 5.35 US cent hay 2.4% lên 2.2465 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 11 thay đổi ít tại 2,173 USD/tấn.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2023 đóng cửa tăng 0.04 US cent hay 0.2% lên 17.95 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12 tăng 1.5 USD hay 0.3% lên 534.60 USD/tấn,

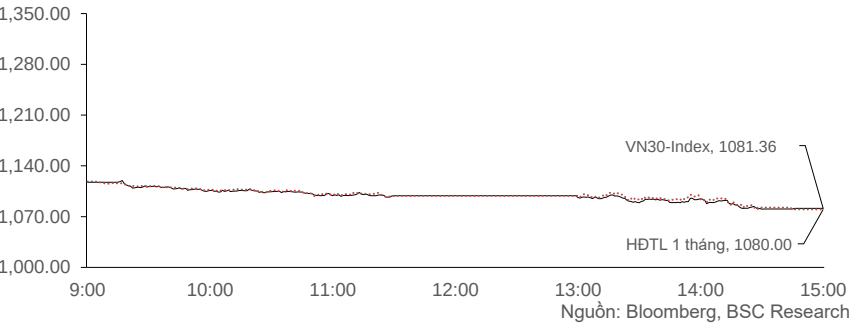
Thị trường chứng khoán thế giới

	6/10	% 6/10	5/10	% 5/10	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1074.52	-2.69%	1104.26	-18.84%	-4.58%	-15.88%
S&P 500			3783.28	-0.20%	1.73%	-3.59%
HDTL S&P500	3771.25	-0.60%	3794.00	-9.40%	3.20%	-3.96%
Shang-hai	3024.39	-0.55%	3041.21	5.36%	-2.07%	-6.28%
Euro Stoxx	3443.07	-0.13%	3447.72	-2.24%	5.00%	-1.63%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2210	1080.00	-3.16%	-1.36	10.8%	412,029	10/20/2022	14
VN30F2211	1076.00	-3.50%	-5.36	33.8%	1,432	11/17/2022	42
VN30F2212	1079.50	-3.97%	-1.86	13.0%	260	12/15/2022	70
VN30F2203	1084.90	-2.87%	3.54	139.0%	576	3/16/2023	161

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -36.02 điểm xuống 1081.36 điểm, biên độ dao động 40.01 điểm. Các cổ phiếu như MWG, HPG, MSN, MBB, và TCB đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giảm sâu gần 30 điểm, thanh khoản cao hơn mức trung bình 20 phiên, chỉ báo kỹ thuật tiêu cực. Nhà đầu tư nên hạn chế giao dịch, nâng cao tỷ trọng tiền mặt và chờ đợi thông tin mới.
- Các HD đều giảm theo VN30. Xét về KLGD, các HD đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2303 và VN30F2210 giảm trong khi các HD còn lại tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB2206	11/7/2022	32	4:1	3,166,300	31.85%	1,700	20	0.00%	0	51.77	43,780	43,500	29,300
CVJC2205	12/9/2022	64	16:1	3,300	27.71%	1,300	400	0.00%	32	12.40	136,399	129,999	114,200
CSTB2210	11/7/2022	32	2:1	45,200	44.51%	2,000	30	0.00%	2	17.30	28,640	28,500	18,000
CVNM2207	3/28/2023	173	15:1	500	28.05%	1,100	930	-5.10%	528	1.76	84,607	68,668	70,000
CVRE2210	12/7/2022	62	4:1	721,500	39.16%	2,300	510	-5.56%	256	1.99	31,440	28,800	26,500
CFPT2206	12/12/2022	67	4.9:1	594,200	33.13%	1,000	770	-6.10%	181	4.26	96,528	92,000	76,500
CTPB2204	3/28/2023	173	10:1	281,700	39.01%	1,000	410	-6.82%	323	1.27	28,688	23,888	24,000
CHPG2214	1/3/2023	89	7.5:1	7,100	37.33%	1,000	130	-7.14%	19	7.01	30,106	28,744	18,000
CPOW2208	3/10/2023	155	4:1	1,600	48.50%	1,000	380	-9.52%	222	1.71	17,462	15,222	11,400
CFPT2207	12/12/2022	67	5.9:1	640,000	33.13%	3,000	2,090	-9.91%	1,153	1.81	89,974	75,000	76,500
CVRE2209	12/27/2022	82	8:1	7,500	39.16%	1,000	220	-12.00%	90	2.45	32,888	30,888	26,500
CVRE2217	3/2/2023	147	2:1	55,800	39.16%	2,500	1,790	-13.94%	1,288	1.39	31,120	27,500	26,500
CVRE2212	1/13/2023	99	2:1	45,600	39.16%	1,000	440	-18.52%	573	0.77	31,080	30,000	26,500
CSTB2215	3/28/2023	173	5:1	993,700	44.51%	1,100	440	-21.43%	375	1.17	25,772	22,222	18,000
CHPG2215	3/28/2023	173	10:1	789,500	37.33%	1,000	240	-22.58%	191	1.26	27,799	22,999	18,000
CMSN2212	3/10/2023	155	20:1	46,800	41.91%	1,100	380	-24.00%	396	0.96	132,033	112,233	86,700
CKDH2211	12/9/2022	64	2:1	200	30.85%	3,100	120	-25.00%	4	30.06	41,608	40,888	26,250
CMBB2205	10/31/2022	25	1.6:1	378,200	35.02%	3,000	30	-40.00%	0	223.76	26,900	32,000	18,100
CMBB2208	12/26/2022	81	1.6:1	501,000	35.02%	3,000	290	-42.00%	314	0.92	23,667	27,000	18,100
CMSN2204	11/7/2022	32	9.9:1	773,200	41.91%	1,900	40	-50.00%	103	0.39	121,109	116,500	86,700
Tổng		9,052,900	37.32%**										

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 6/10/2022, các chứng quyền giảm theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2223 và CSTB2211 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 100% và 100%. Giá trị giao dịch tăng 9.51%. CFPT2207 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.39%.
- CHPG2223, CPOW2205, CVNM2209, và CPNJ2205 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVRE2212, CVIC2203, CVRE2213, và CVRE2211 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2216, CFPT2207, CPNJ2202, và CMWG2209 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	58.0	-6.8%	0.7	3,691	8.3	3,436	16.9	3.8	49.0%	24.2%
PNJ	Bán lẻ	102.8	0.4%	0.6	1,100	1.7	5,978	17.2	3.1	49.0%	20.1%
BVH	Bảo hiểm	48.9	-3.4%	1.2	1,578	2.3	2,411	20.3	1.7	26.4%	8.4%
PVI	Bảo hiểm	40.9	-0.2%	0.7	417	0.1	3,289	12.4	1.2	58.6%	9.9%
VIC	Bất động sản	60.1	0.2%	0.5	9,966	2.6	(60)	#N/A N/A	2.1	12.2%	-0.2%
VRE	Bất động sản	26.5	-1.9%	1.1	2,618	1.5	571	46.4	1.9	32.2%	4.2%
VHM	Bất động sản	53.6	-0.4%	0.9	10,148	6.3	6,478	8.3	1.9	23.1%	25.9%
DXG	Bất động sản	17.6	-6.9%	1.5	465	7.3	1,223	14.4	1.1	28.9%	8.2%
SSI	Chứng khoán	17.4	-6.7%	1.7	1,127	9.4	2,674	6.5	1.3	34.5%	22.0%
VCI	Chứng khoán	25.5	-6.9%	1.0	482	5.2	3,497	7.3	1.6	17.2%	24.3%
HCM	Chứng khoán	20.8	-7.0%	1.6	412	5.5	2,522	8.2	1.2	40.8%	17.5%
FPT	Công nghệ	76.5	-2.4%	0.9	3,649	4.3	4,512	17.0	4.3	49.0%	27.1%
FOX	Công nghệ	63.9	-0.2%	0.4	912	0.0	4,926	13.0	3.5	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	106.9	-0.1%	0.9	8,896	2.1	6,669	16.0	3.4	3.0%	24.3%
PLX	Dầu khí	32.2	-2.4%	1.5	1,779	1.3	723	44.6	1.8	17.4%	3.8%
PVS	Dầu khí	22.2	-3.5%	1.6	461	6.9	1,104	20.1	0.9	10.9%	4.4%
BSR	Dầu khí	20.0	-0.5%	0.8	2,696	7.1	2,108	9.5	1.7	41.1%	19.1%
DHG	Dược	84.0	-1.2%	0.3	478	0.0	6,361	13.2	2.9	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	42.7	-1.5%	1.3	727	6.3	14,563	2.9	1.3	15.3%	51.9%
DCM	Hóa chất	30.1	-3.2%	1.3	693	6.3	7,025	4.3	1.6	8.5%	44.7%
VCB	Ngân hàng	70.1	-2.0%	0.8	14,424	2.3	5,273	13.3	2.7	23.5%	21.9%
BID	Ngân hàng	31.0	-2.5%	1.2	6,818	1.2	2,562	12.1	1.7	16.9%	15.0%
CTG	Ngân hàng	21.4	-2.7%	1.5	4,471	4.0	3,056	7.0	1.0	26.7%	15.1%
VPB	Ngân hàng	16.5	-2.9%	1.2	4,816	10.0	2,503	6.6	1.2	11.8%	22.2%
MBB	Ngân hàng	18.1	-5.7%	1.3	3,568	6.1	3,467	5.2	1.2	23.2%	26.0%
ACB	Ngân hàng	20.0	-3.8%	1.1	2,937	2.5	3,482	5.7	1.3	30.0%	25.4%
BMP	Nhựa	56.6	0.9%	0.7	201	0.2	4,413	12.8	1.9	85.2%	15.2%
NTP	Nhựa	36.7	-0.5%	0.6	207	0.1	3,914	9.4	1.6	17.8%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.2	-5.3%	1.6	774	0.1	178	91.0	1.3	10.1%	1.4%
HPG	Thép	18.0	-6.3%	1.1	4,551	29.9	4,747	3.8	1.0	21.0%	31.8%
HSG	Thép	12.7	-6.6%	1.6	329	4.7	3,511	3.6	0.6	4.3%	19.3%
VNM	Tiêu dùng	70.0	-2.2%	0.5	6,361	4.6	4,055	17.3	4.3	54.9%	25.8%
SAB	Tiêu dùng	185.8	-1.7%	0.8	5,180	0.4	7,018	26.5	5.2	62.8%	21.0%
MSN	Tiêu dùng	86.7	-5.1%	1.0	5,367	3.6	7,172	12.1	4.2	28.9%	40.2%
SBT	Tiêu dùng	15.1	-5.0%	1.5	413	0.7	1,229	12.3	1.1	7.8%	8.8%
ACV	Vận tải	80.5	0.1%	0.8	7,619	0.2	363	221.9	4.7	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	114.2	-0.7%	1.1	2,689	1.5	176	648.2	3.6	16.2%	0.6%
HVN	Vận tải	12.2	-3.2%	1.7	1,175	0.3	(4,373)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	49.0	-1.9%	0.9	642	2.5	2,705	18.1	2.2	47.4%	12.5%
PVT	Vận tải	18.0	-3.7%	1.4	253	1.5	1,982	9.1	1.1	14.4%	12.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	63.0	-0.2%	0.9	438	0.3	10,334	6.1	2.0	3.0%	36.9%
VGC	Vật liệu xây dựng	50.0	-2.7%	0.8	975	2.8	4,350	11.5	2.9	5.3%	27.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	11.6	-6.9%	1.1	192	0.3	505	22.9	0.8	1.9%	3.6%
CTD	Xây dựng	50.9	-3.4%	1.3	163	0.8	(958)	#N/A N/A	0.5	52.6%	-0.8%
CII	Xây dựng	18.5	0.3%	1.5	202	9.5	1,446	12.8	0.8	7.5%	6.9%
REE	Điện	74.1	-4.4%	-1.4	1,145	1.1	6,593	11.2	1.8	49.1%	17.7%
PC1	Điện	30.3	-4.4%	-0.4	310	1.5	2,081	14.6	1.5	4.5%	10.5%
POW	Điện	11.4	-5.8%	0.6	1,161	4.4	676	16.9	0.9	2.7%	5.3%
NT2	Điện	26.5	-4.7%	0.6	332	2.2	3,116	8.5	1.7	14.1%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	25.2	-6.9%	1.5	839	4.4	324	77.5	1.3	17.4%	2.1%
BCM	Khu công nghiệp	89.0	-1%	0.9	4,005	0.5	1,640	54.3	5.3	2.8%	11.2%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EIB	36.95	6.33	0.69	6.91MLN
VIC	60.10	0.17	0.10	1.01MLN
PGV	23.40	1.30	0.09	300
STG	32.35	6.94	0.05	20600
PTB	51.90	5.92	0.05	480500

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
HPG	0.00	-1.69	751500	1.11MLN
MSN	-0.01	-1.57	3.17MLN	607060
VCB	-0.01	-1.32	1.51MLN	373600
MWG	-0.01	-1.27	7.52MLN	192700
GVR	0.00	-1.07	5.57MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

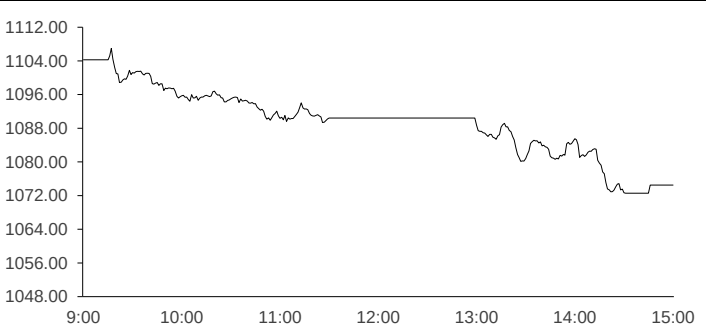
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
STG	32.35	6.94	0.05	20600.00
TNC	67.90	6.93	0.02	7400
PNC	9.35	6.86	0.00	100
L10	22.75	6.81	0.00	300
HU3	6.93	6.45	0.00	300

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	18.00	-6.25	-1.78	37.46MLN
MSN	86.70	-5.14	-1.70	948300
VCB	70.10	-1.96	-1.69	751500.00
MWG	58.00	-6.75	-1.57	3.17MLN
GVR	17.80	-6.81	-1.32	1.51MLN

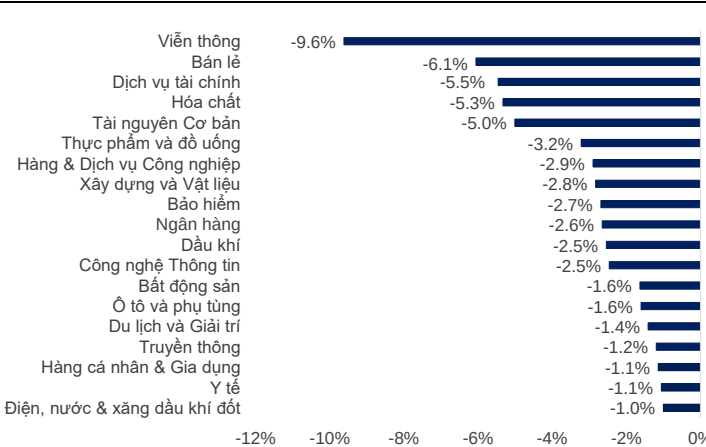
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SCG	69.00	1.47	0.09	547800.00
HTC	25.30	10.00	0.03	100
VIF	16.00	3.23	0.03	200
DDG	40.00	0.50	0.02	160100.00
VNT	66.70	9.88	0.02	700

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
THD	41.00	-5.31	-1.32	11700
SHS	8.70	-7.45	-0.84	7.79MLN
IDC	46.30	-3.54	-0.69	5.11MLN
CEO	18.00	-7.69	-0.48	3.44MLN
BAB	14.90	-1.97	-0.36	10818

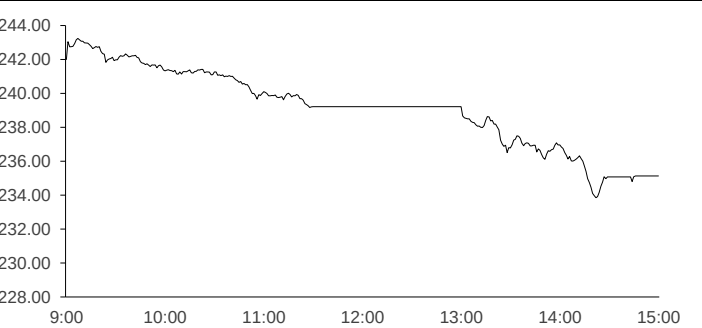
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HTC	25.30	10.0	0.03	100
VNT	66.70	9.9	0.02	700
SSM	5.60	9.8	0.00	1100
L43	5.70	9.6	0.00	3000
SDG	21.90	9.5	0.00	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

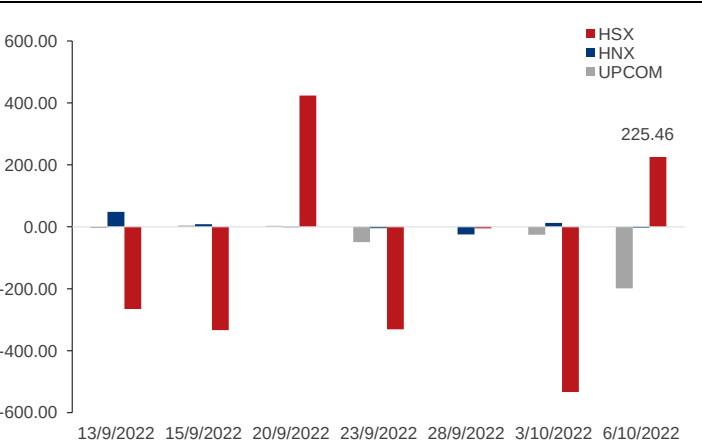
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EID	18.90	-10.00	-0.03	2600
UNI	10.80	-10.00	-0.02	19900
SDU	30.00	-9.91	-0.02	100
APS	11.00	-9.84	-0.12	859581
V12	13.90	-9.74	0.00	1500

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	80.5	363	221.9	4.7	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	13/09/22	112.2	145.5	102.8	5,978	17.2	3.1	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	19.6	0	#N/A N/A	0.8	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	76.5	4,512	17.0	4.3	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	56.6	4,413	12.8	1.9	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	52.1	4,637	11.2	2.1	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	26.3	1,755	15.0	1.7	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	40.3	9,171	4.4	1.4	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	71.7	11,226	6.4	1.8	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	49.9	4,901	10.2	2.1	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	20.0	2,108	9.5	1.7	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	26.7	1,966	13.6	1.2	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	17.6	1,223	14.4	1.1	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	18.0	4,747	3.8	1.0	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	19.5	1,127	17.3	1.0	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	42.7	14,563	2.9	1.3	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	11.6	505	22.9	0.8	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	26.5	3,116	8.5	1.7	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	19.6	0	#N/A N/A	0.8	Click
20	LHG	BĐS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	22.6	2,692	8.4	0.8	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	16.5	1,168	14.1	1.5	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	30.3	2,081	14.6	1.5	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	11.4	676	16.9	0.9	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	16.2	6,984	2.3	0.7	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	74.1	6,593	11.2	1.8	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	32.8	4,406	7.4	0.9	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	106.9	6,669	16.0	3.4	Click
28	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	34.1	3,842	8.9	1.6	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	18.0	4,747	3.8	1.0	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	12.9	4,170	3.1	1.4	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	20.0	2,108	9.5	1.7	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	57.4	3,616	15.9	4.9	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	102.8	5,978	17.2	3.1	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.6	1,889	7.2	0.6	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	26.5	3,116	8.5	1.7	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	56.4	10,763	5.2	1.1	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	67.0	5,014	13.4	4.3	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	30.3	2,081	14.6	1.5	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	12.4	179	69.3	0.6	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	76.5	4,512	17.0	4.3	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	26.3	2,277	11.5	1.8	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	16.2	6,984	2.3	0.7	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	11.4	676	16.9	0.9	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	102.8	5,978	17.2	3.1	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	58.0	3,436	16.9	3.8	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	18.0	1,982	9.1	1.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
9	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
10	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
14	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
17	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
19	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
20	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
21	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
22	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
23	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
26	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
29	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
32	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
33	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
35	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
37	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
39	Banking Sector Outlook		x	Click
40	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
42	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
43	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
43	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639